

Bản án số: 649/2019/HSPT
Ngày 23/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Phúc;
- Các Thẩm phán: + Ông Thái Duy Nhiệm;
+ Ông Nguyễn Xuân Phách;
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga, Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự Thụ lý số 409/2019/TLPTH ngày 04 tháng 6 năm 2019 do có kháng cáo của một số bị cáo trong vụ án và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2019/HSST ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Hoàng Anh K, sinh ngày 06 tháng 4 năm 1996; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 7, lô 13, LT, phường HN, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa phổ thông: lớp 12/12; con ông Hoàng Kim Th và bà NBD; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 20/12/2016 đến ngày 06/11/2018 chuyển sang biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn V L, sinh ngày 30 tháng 12 năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 33/6 TQK, phường HVT, quận HB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa phổ thông: lớp 12/12; con ông N AH và bà Vũ TC; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 12/4/2017 đến ngày 06/11/2018 chuyển sang biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Ông Hoàng TP là Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa bảo vệ quyền lợi cho bị cáo Nguyễn V L, có mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị:

1. Đỗ Hồng H, sinh ngày 01 tháng 8 năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 142 CĐ, phường CĐ, quận NQ, thành phố Hải Phòng; tạm trú tại: Số 188 HBT, phường AB, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Chủ nhà hàng kinh doanh Karaoke; trình độ văn hóa phổ thông: lớp 12/12; con ông DQC và bà DTH; chồng là Nguyễn TV và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị

bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2016.

2. Đặng Đức D, sinh ngày 15 tháng 5 năm; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 23/291 DN, phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Sinh viên trường Cao đẳng Hàng Hải; trình độ văn hóa phổ thông: lớp 12/12; con ông DDK và bà KHS; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2016.

3. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 11 khu 8, phường Hn, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh; tạm trú tại: Số 287 CH, phường Bd, quận KC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: nhân viên quán Karaoke; trình độ văn hóa phổ thông: lớp 07/12; con ông DHI và bà QRU; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 20/12/2016.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 11 tháng 12 năm 2016 tại Phòng 4 Tầng 4 của Quán Karaoke Sao số 188 HBT, phường AB, quận LC, thành phố Hải Phòng, Công an thành phố Hải Phòng phát hiện tại phòng hát có 06 khách gồm: Nguyễn V L, sinh năm 1989, chỗ ở: Số 33/6 TQK, phường HVT, quận HB, thành phố Hải Phòng; Đinh Ngọc L2, sinh năm 1985, chỗ ở: Số 21 Nguyễn Bình, phường Đồng Quốc Bình, quận NQ, thành phố Hải Phòng; Lương Xuân L3, sinh năm 1986, chỗ ở: Số 13 lô 7C Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1983 và vợ là Nguyễn Thanh Mai, sinh năm 1986 cùng ở tại số 588B Thiên Lô, phường Vĩnh Niệm, quận LC, thành phố Hải Phòng; Tạ Quang Khoa, sinh năm 1988, chỗ ở: thôn Thống Nhất, xã Yên Thạch, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; Công Thị Thu H, sinh năm 1988 (hiện không xác định lai lịch, địa chỉ) và 02 nhân viên phục vụ phòng 6 là Võ Thành Đạt sinh năm 1992, chỗ ở: số 5 khu tập thể 5 tầng ngõ 280 Trần Nguyên Hãn, phường Niệm Nghĩa, quận LC; Bùi Văn Nguyễn, sinh năm 1993, chỗ ở: thôn Thượng Am, xã Liêm Am, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (lúc bị bắt quả tang Nguyễn vừa ra khỏi phòng). Tiến hành thử nước tiểu 08 đối tượng trên thì 04 đối tượng: Nguyễn V L, Nguyễn Tuấn V, Lương Xuân L3, Đinh Ngọc L2 dương tính với chất ma túy. Tang vật thu giữ: 01 đĩa sứ trong chứa chất bột màu trắng; 01 thẻ nhựa; 01 ống hút; 01 vỏ bao thuốc lá trong có 05 điếu thuốc hình trụ tròn, Phi 0,3 cm; 01 điếu dài 3cm; 05 điếu dài 6cm; 01 túi nilon kích cỡ 6x8cm trong dính chất bột màu trắng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp toàn bộ quán Karaoke Sao phát hiện:

Tại Phòng 3 Tầng 3 có 08 đối tượng: Hoàng Anh K, sinh năm 1996, chỗ ở: Số 7 Lô 13 LT, HN, LC, Hải Phòng; Nguyễn Tiên Phong, sinh năm 1979, chỗ ở: số 11 Trần Nguyên Hãn, Cát Dài, LC, Hải Phòng; Hoàng Nguyên Hà Thương, sinh năm 1997; chỗ ở: số 16B/60 An Dương 1, xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng; Nguyễn Ngọc Anh, sinh năm 1993, chỗ ở: xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng; Nguyễn Tuấn Vũ, sinh năm 1995; chỗ ở: Số 16

gác 2 HBT, LC, Hải Phòng; Vũ Văn Nam, sinh năm 1971; chỗ ở: Số 20 Trần Nhân Tông, Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng; Nguyễn Văn Hoàn, sinh năm 1996, chỗ ở: Số 5/29/46 Nam Pháp 1, Đằng Giang, NQ, Hải Phòng; Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1996, ở: 53/77 Dư Hàng - Dư Hàng, LC, Hải Phòng. Tiến hành thử nước tiểu 08 đối tượng trên trong đó có: 06 đối tượng dương tính với chất ma túy. Vật chứng thu giữ: Thu trong túi quần Vũ Văn Nam: 01 túi nilon chứa thảo mộc khô và mảnh viên nén; thu trên tường giữa vị trí Nguyễn Ngọc Anh và Nguyễn Tuấn Vũ ngò 01 túi nilon đựng 05 viên nén màu trắng; thu trong ví Nguyễn Tiên Phong 02 túi nilon chứa tinh thể trắng.

Tại Phòng 6 Tầng 6 có 08 đối tượng gồm: 05 khách là Phạm Bá Kỳ, Đinh Thế Anh Tuấn, Trần Trọng Chinh, Nguyễn Sơn Nam, Đặng Văn Nhân và 03 nhân viên gồm: Nguyễn Văn Đ, Trần Văn Cường (sinh ngày 14/9/2001), Nguyễn Thị Hương Giang. Xét nghiệm nước tiểu thì cả 08 đối tượng đều dương tính với ma túy. Tang vật thu giữ gồm: 01 đĩa sứ, 01 ống hút, 01 thẻ sim điện thoại, 01 túi nilon.

Tại khu vực Quầy Bar thu giữ: 01 túi nilon chứa chất bột màu trắng tại bàn uống nước; toàn bộ hóa đơn, sổ sách, hồ sơ liên quan đến hoạt động kinh doanh của quán, 01 máy tính cùng 02 điện thoại di động, 01 đầu thu của hệ thống camera giám sát.

Tại Kết luận giám định số 290/PC54(MT) ngày 19/12/2016, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng và Kết luận giám định số 5647/C54(TT2) ngày 28/2/2017, Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

+ Mẫu vật thu khi bắt quả tang tại phòng VIP4: Mẫu số 1QT-Tinh thể màu trắng chứa trong 01 túi nilon (thu trên đĩa sứ tại phòng 4) có khối lượng 0,46 gam có Ketamine hàm lượng 46,5%; mẫu số 2QT-05 điều thuốc cuộn trong chứa thảo mộc khô có khối lượng 1,07 gam là hoa, lá cần sa; mẫu số 3QT-Tinh thể bám dính trong túi nilon có Ketamine, không đủ điều kiện xác định khối lượng của tinh thể;

+ Mẫu vật thu tại Quầy Bar: mẫu số 1KXQB-Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nilon có khối lượng 1,83 gam có Ketamine hàm lượng 54,2%;

+ Mẫu vật thu tại Phòng VIP3: Mẫu số 1KXP3A thu của Vũ Văn Nam, thảo mộc khô có khối lượng 0,75gam là hoa lá cần sa; mẫu số 1KXP3B thu của Vũ Văn Nam - 04 mảnh viên nén màu đỏ trắng có khối lượng 0,47gam, có MDMA hàm lượng 30,3%; mẫu số 2KXP3-05 viên nén màu trắng có khối lượng 1,29 gam có MDMA hàm lượng 35,4%; mẫu số 3KXP3 - 02 túi nilon chứa tinh thể màu trắng thu của Nguyễn Tiên Phong có khối lượng 1,06 gam có Ketamine hàm lượng 44,4%;

+ Mẫu vật thu tại Phòng ngủ của Đỗ Hồng H, Phạm Thanh V: Mẫu số 1KXP4 - các viên nén màu đỏ đựng trong 03 túi nilon có khối lượng 72,56 gam có Methamphetamine hàm lượng 1,1% và MDMA hàm lượng 27,5%; mẫu số 2KXP4-các viên nén màu xanh đựng trong 06 túi nilon có khối lượng 115,83 gam có Methamphetamine hàm lượng 1,4% và MDMA hàm lượng 31,7%; mẫu số 3KXP4 - các viên nén màu trắng ngà đựng trong 02 túi nilon có khối lượng 17,94 gam có Methamphetamine hàm lượng 0,1% và MDMA hàm lượng 35%;

mẫu số 4KXP4 - tinh thể màu trắng đựng trong các túi nilon có khối lượng 367,84 gam có Ketamine hàm lượng 14,4%; mẫu số 5KXP4-chất bột màu hồng đựng trong 01 túi nilon có khối lượng 0,49 gam có Methamphetamine hàm lượng 1,0% và MDMA hàm lượng 0,5%; mẫu số 6KXP4 - chất bột màu nâu đựng trong 01 túi nilon có khối lượng 0,69 gam có Methamphetamine hàm lượng 0,1% và MDMA hàm lượng 0,3%. Tổng cộng khối lượng chất ma túy ở thể rắn là 575,35 gam hàm lượng từ 0,3% đến 35%.

Cơ quan điều tra đã tiến hành ghi lời khai Đỗ Hồng H và các nhân viên, khách hát của quán, kết quả điều tra đã xác định:

1. Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Đỗ Hồng H, Nguyễn Thanh V; hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của Đặng Đức D, hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy Nguyễn Văn Đ

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Hồng H khai: Khoảng tháng 11/2014 H cùng chồng là Nguyễn Thanh V thuê lại Quán karaoke Sao ở 188 Cát dài để kinh doanh, Nguyễn Thanh V đứng tên trong giấy phép đăng ký kinh doanh. Khoảng đầu năm 2016 H, V bắt đầu mua ma túy số lượng nhỏ để bán cho khách hát. Đến tháng 9/2016 thì mua số lượng lớn hơn về bán lấy tiền sửa chữa quán. H, V mua thuốc lắc với giá khoảng 190.000 đồng đến 220.000 đồng/viên về bán giá 220.000 đồng đến 350.000 đồng/viên; Ketamine mua giá khoảng từ 75.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng/100gam và bán lại giá khoảng từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng/100gam. V trực tiếp đi mua ma túy và báo lại số lượng và giá mua với H để H đưa tiền cho V. Tiền mua ma túy là tiền chung của vợ chồng H. Số ma túy bị thu giữ gồm: các túi nilon chứa chất bột màu trắng là các gói Ketamine, các viên nén màu đỏ hình tròn, viên nén màu xanh hình tam giác là các viên thuốc lắc. Số Ketamine và thuốc lắc Cơ quan điều tra đã thu giữ nêu trên là của vợ chồng H mua khoảng 01 tuần trước ngày bị bắt. H, V đã mua một số lượng ma túy và cất giấu tại phòng ngủ của hai vợ chồng cùng với số ma túy đã mua từ trước để bán dần cho khách hát. V là người trực tiếp đưa ma túy cho khách hát, hoặc nhờ Đặng Đức D là nhân viên của quán đưa cho khách, khi V đi vắng thì H lấy ma túy đưa cho Duy mang vào phòng cho khách, Duy không được trả công về việc đưa ma túy. Khách trả tiền ma túy cho V, hoặc Duy sau đó V, Duy đưa tiền cho H, hoặc khách thanh toán vào cuối buổi hát cho H.

Khi khách đặt phòng thì đều liên hệ với V để V sắp xếp phòng, nếu V đi vắng thì gọi điện cho H để xếp phòng cho khách. Việc khách sử dụng ma túy tại phòng hát đều phải được sự đồng ý của H, V; khách quen mang ma túy đến thì được sử dụng, chỉ khách quen mới mua được ma túy, khách lạ đến hát thì không được sử dụng ma túy. Các nhân viên phục vụ trực tiếp tại các phòng hát có khách sử dụng ma túy cũng biết việc khách sử dụng ma túy; vì việc đó xảy ra ngay trước mắt nhân viên và cũng có nhân viên hỏi trực tiếp vợ chồng H về việc khách sử dụng ma túy tại phòng. Giá tiền phòng hát là 250.000đồng/giờ, nghe nhạc mạnh và sử dụng ma túy giá 500.000đồng/giờ.

Ngày 11/12/2016, khi công an kiểm tra quán thì phát hiện tại quán có 02 phòng là VIP 4 và VIP 6 đang sử dụng ma túy, trước đó V gọi điện báo cho H là

phòng VIP4 lấy 04 gam Ketamine, phòng VIP 6 lấy khoảng 10 viên thuốc lắc. Còn người trực tiếp đưa ma túy cho khách là ai H không biết.

Đặng Đức D và Nguyễn Văn Đ là hai nhân viên được H và V tin tưởng cho phục vụ tại các phòng khách có sử dụng ma túy và nghe nhạc mạnh. H, V đã quán triệt với Đạt, Duy là nếu phòng được phân công phục vụ mà H, V đã đồng ý cho khách sử dụng ma túy và nghe nhạc mạnh thì khách mới được sử dụng ma túy. H nghiêm cấm nhân viên sử dụng ma túy cùng với khách. Nếu khách lạ mang ma túy đến để sử dụng thì nhân viên sẽ báo với H, V để H, V sẽ bảo nhân viên cấm khách sử dụng.

Vào sáng ngày 10/12/2016, từ 2h30' đến 6h30' tại phòng VIP 3 do Duy là người phục vụ có hai khách nữ có sử dụng ma túy và nghe nhạc mạnh, V báo cho H biết tiền bán ma túy là 2.000.000 đồng, Duy là người nhận ma túy từ V rồi mang lên phòng hát giao cho khách, tổng cộng khách thanh toán cả tiền hát, tiền ma túy là 4.500.000 đồng.

Ngày 11/12/2016, tại phòng VIP6 có Kỳ là khách quen, do Nguyễn Văn Đ phục vụ có sử dụng ma túy vì V báo với H phòng VIP 6 lấy 10 viên thuốc lắc. Khi Đạt xuống bếp lấy đĩa sứ có gắp H ở Quầy Bar và xin ý kiến H, H biết là lấy đĩa sứ cho khách sử dụng Ketamine, H đồng ý để Đạt lấy đĩa mang lên phòng cho khách.

Đặng Đức D, Nguyễn Văn Đ khai nhận phù hợp với lời khai của Đỗ Hồng H. Ngoài ra Đặng Đức D còn khai nhiều lần được V, H nhờ đưa ma túy cho khách (mỗi tuần khoảng 03 lần). Nguyễn Văn Đ còn khai đã 02 lần được V nhờ cầm ma túy lên phòng hát cho khách, Đạt không được V trả công về việc này. Ngày 10/12/2016, Đạt phục vụ tại Phòng 6 cùng với Cương. Trong phòng 6 có Kỳ là khách quen của quán. Khoảng 22 giờ, khi Đạt lên phòng 6 thì có người nói cho anh mượn cái đĩa, thì Đạt xuống nhà lấy đĩa sứ mang lên cho khách. Không biết ai là người bỏ Ketamine ra đánh và không biết mọi người sử dụng ma túy như thế nào. Đến gần 0 giờ thì có người để đĩa Ke lên bàn gần chỗ Đạt ngồi chỉnh nhạc và mời Đạt sử dụng, Đạt đã sử dụng 01 đường Ke và cầm đĩa Ke lên nói với Trần Văn Cương (cũng là nhân viên phục vụ phòng 6) “mày có chơi không?”, Cương không nói gì và tự cầm đĩa Ke lên sử dụng 01 đường. Nguồn gốc số ma túy đã sử dụng tại phòng 6 Đạt không biết là của ai mang đến.

2. Hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn V L tại phòng VIP 4 quán Karaoke Sao:

Khoảng 22 giờ ngày 10/12/2016, Nguyễn V L cùng Đinh Ngọc L2, Lương Xuân L3, Nguyễn Tuấn V và mấy người bạn đến hát tại phòng số 4 Quán Karaoke Sao, nhân viên phục vụ tại phòng gồm Võ Thành Đạt, Bùi Văn Nguyễn. Lúc đầu mọi người hát Karaoke bình thường, đến khoảng 23 giờ thì một số người ra về chỉ còn lại Nguyễn V L, Đinh Ngọc L2, Lương Xuân L3, Nguyễn Tuấn V. Lúc này Tuấn V bảo nhân viên phục vụ cho mượn đĩa sứ nên Đạt xuống bếp lấy 01 đĩa sứ tròn nhỏ cầm lên đưa cho Tuấn V. Sau đó Tuấn V bảo nhân viên lấy cho ống hút, thì Nguyễn xuống lấy ống hút đưa cho V. Vài phút sau, Tuấn V lên chỗ Đạt và Nguyễn ngồi chỉnh nhạc hỏi xin số của V chủ quán, Nguyễn đã đưa cho Tuấn V tờ hóa đơn có số điện thoại của V chủ quán,

Tuấn V bấm điện thoại, vài phút sau thấy V chủ quán vào phòng và nói chuyện với V rồi đi ra ngoài. V chủ quán bảo Nguyễn lấy cho khách 01 đĩa sứ to hơn nên Nguyễn đi ra ngoài mang vào 01 đĩa sứ hình bầu dục đưa cho Tuấn V. Một lúc sau, Nguyễn V L cầm một túi nilon màu trắng bên trong chứa các tinh thể màu trắng (Ketamine) đổ ra chiếc đĩa sứ hình bầu dục, dùng miếng nhựa cứng đánh Ketamine trong đĩa và dùng ống hút sử dụng Ketamine trong đĩa, sau đó đưa đĩa Ketamine cho Nguyễn Tuấn V, Đinh Ngọc L2, Lương Xuân L3 cùng sử dụng. Đến khoảng 0 giờ 30 phút ngày 11/12/2016 Cơ quan Công an vào kiểm tra, bắt quả tang, thu giữ vật chứng và đưa tất cả về trụ sở Công an để giải quyết.

Tại cơ quan điều tra, Võ Thành Đạt, Bùi Văn Nguyễn khai nhận như trên.

Nguyễn V L chỉ thừa nhận việc tại phòng hát của quán Karaoke Sao, do bị say rượu nên V Linh ngủ trên ghế, khi đang ngủ thì có ai đó lay V Linh dậy, lúc này Nguyễn Tuấn V đưa cho V Linh 01 chiếc đĩa sứ màu trắng trong lòng đĩa có chất tinh thể và thể nhựa bảo Linh đưa cho mọi người. Linh không biết đã đưa cho những ai.

Nguyễn Tuấn V khai: Trong lúc hát tại phòng VIP 4 Quán Karaoke Sao có người đưa cho V 01 điều cỏ, V hút vài hơi và chuyển cho người khác. Sau đó Nguyễn V L cầm đĩa Ketamine mời V sử dụng và V đã sử dụng Ketamin bằng cách hít. V còn nhìn thấy Nguyễn V L mời Lương Xuân L3 và Đinh Ngọc L2 cùng sử dụng Ketamin.

Đinh Ngọc L2 khai: Khoảng 22 giờ ngày 10/12/2016, Đinh Ngọc L2 cùng 6 người trên đến Quán Karaoke Sao ở số 188 HBT để hát. Trong lúc hát Đinh Ngọc L2 đã được Nguyễn V L mời sử dụng ma túy, Nguyễn V L cầm đĩa sứ đựng chất bột màu trắng và giữ ống hút để Đinh Ngọc L2 dùng mũi hít chất bột màu trắng trên đĩa.

Sau đó Nguyễn V L, Nguyễn Tuấn V, Lương Xuân L3 thay đổi lời khai về việc không sử dụng ma túy tại Phòng VIP 4 Quán Karaoke Sao như đã khai ở trên.

Giám định mẫu nước tiểu của Lương Xuân L3, Đinh Ngọc L2, Nguyễn V L thì mẫu nước tiểu của ba đối tượng đều có Ketamine. Riêng Nguyễn Tuấn V dương tính với Ketamine và cần sa.

Xác định tình trạng nghiện tại Trung tâm Giáo dục, Lao động và Xã hội Hải Phòng (Trung tâm Gia Minh) cho kết quả cả bốn đối tượng nêu trên đều không nghiện chất ma túy.

3. Hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Hoàng Anh K tại Phòng VIP 3 Quán Karaoke Sao:

Hoàng Anh K khai: Khoảng 22 giờ ngày 10/12/2016, Ngọc Anh rủ Khoa lên Quán Karaoke Sao, Khoa đồng ý. Khi đến quán thì gặp Phong tại quầy thu ngân, Phong dẫn Ngọc Anh và Khoa lên Phòng 3 Tầng 3. Lúc đầu trong phòng có Khoa, Ngọc Anh, Phong, Vũ. Sau đó có thêm Nam, Thương. Vài phút sau, Phong đưa cho Khoa 01 túi nilon chứa 10 viên nén hình tròn, Khoa biết đó là thuốc lắc, Phong bảo Khoa: “Em đi phát cho mọi người”. Khoa cầm túi nilon lần lượt phát cho Thương, Nam, Phong, Vũ mỗi người 01 viên, Khoa cầm 01 viên ở tay. Khoa đưa số thuốc lắc còn lại cho Phong nhưng Phong không cầm

nên Khoa đã để gói thuốc lắc ra phía sau ghế giữa vị trí của Ngọc Anh và Vũ. Khi Phong đưa gói thuốc lắc cho Khoa thì đưa qua mặt Ngọc Anh và Vũ. Kết quả thử nước tiểu, Khoa dương tính với chất ma túy.

Vũ Văn Nam, Nguyễn Tuấn Vũ, Hoàng Nguyễn Hà Thương khai: Khi đang ngồi hát thì được Khoa đưa cho một viên thuốc lắc, Nam, Vũ, Thương đã sử dụng bằng cách uống.

Nguyễn Văn Hoàn khai: Hoàn là nhân viên của quán karaoke, đến khoảng 21 giờ 30 ngày 11/12/2016, Hoàn được phân công lên Phòng 6 phục vụ khách. Tại phòng hát Hoàn có thấy khách hát chuyen tay nhau thứ gì đó và biết đó là ma túy.

Kết quả giám định nước tiểu của Hoàng Nguyễn Hà Thương, Nguyễn Tiên Phong, Vũ Văn Nam, Hoàng Anh K, Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Tuấn Vũ đều dương tính với MDMA, ngoài ra Khoa còn dương tính với Ketamine, cần sa.

Xác định tình trạng nghiện tại Trung tâm Giáo dục, Lao động và Xã hội Hải Phòng (Trung tâm Gia Minh) cho kết quả các đối tượng nêu trên đều không nghiện ma túy.

Bị cáo Đỗ Hồng H khai: Vợ chồng bị cáo kinh doanh quán Karaoke và cùng nhau bàn bạc mua bán ma túy về bán cho khách tại quán. Chồng bị cáo (Nguyễn Thanh V) là người mua ma túy về đóng gói chia nhỏ, cất giấu tại phòng ngủ, bị cáo đều biết. Lượng ma túy đã ở thể rắn (575,35 gam) thu giữ tại nhà bị cáo do chồng bị cáo mua về nhằm mục đích bán. Theo quy định của quán thì chỉ khách quen mới được đặt phòng mua ma túy và mang ma túy đến quán sử dụng. Nếu có khách mua tại phòng hát, chồng bị cáo báo cho bị cáo, bị cáo báo nhân viên phục vụ thu tiền chuyển hóa đơn cho bị cáo. Ngày 11/12/2016, Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng bắt quả tang thì quán gia đình bị cáo có hai phòng Vip 4 và Vip 6 đang sử dụng ma túy. Vip 6 là anh Kỳ khách quen đặt phòng, Vip 4 bị cáo không biết. Bị cáo chỉ biết chồng bị cáo báo phòng Vip 4 lấy 4gam Ketamine, phòng Vip 6 lấy 10 viên thuốc lắc. Phòng Vip 3 sử dụng ma túy bị cáo không biết, bị cáo chỉ biết phòng Vip 3 có khách quen của chồng bị cáo là Nguyễn Tiên Phong và Vũ Văn Nam. Bị cáo không quen biết Nguyễn V L và Hoàng Anh K. Các bị cáo Đặng Đức D và Nguyễn Văn Đ đều thừa nhận lời khai của Đỗ Hồng H là đúng.

Bị cáo Hoàng Anh K khai: Bị cáo được Nguyễn Tiên Phong mời đi hát. Khi đến quán, Khoa được Phong đưa 01 túi có 10 viên thuốc phát cho mọi người sử dụng, Khoa không nghiện ma túy, đang là sinh viên, được mọi người rủ đi hát. Bị cáo không đặt phòng, không rủ rê, lôi kéo, không chuẩn bị ma túy cho mọi người sử dụng, cấp sơ thẩm quy kết bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là nặng.

Bị cáo Nguyễn V L khai: Bị cáo được Lương Xuân L3 là bạn cùng Cơ quan mời đi ăn, đi hát. Tới phòng hát bị cáo bị say rượu bia nên ngủ, không làm gì, không mời ai hút ma túy. Trước đây ở cơ quan điều tra bị cáo khai cầm đĩa Ketamine mời mọi người sử dụng là do bị ép cung, mớm cung. Kết quả test nước tiểu bị cáo dương tính với ma túy nhưng việc giám định này không đúng quy trình. Mặt khác, theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện Đạt là người mang

đĩa lên đưa cho Nguyễn Tuấn V, Tuấn V đưa lại cho Nguyễn V L cùng nhiều đối tượng khác cầm đĩa sứ nhưng kết luận giám định chỉ xác định được 2 dấu vết, trong đó có một dấu vết của Nguyễn V L là không khách quan vì chưa chứng minh được Nguyễn V L chạm vào đĩa trước hay sau khi có Ketamine, vì vậy bị cáo không có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do vậy, hành vi của bị cáo chỉ là sử dụng trái phép chất ma túy nên chỉ bị xử phạt hành chính.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2019/HS-ST ngày 17/4/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã xử:

- Căn cứ vào điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm b khoản 2 Điều 197; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo **Đỗ Hồng H** 16 (Mười sáu) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 (Bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo **Đỗ Hồng H** phải chấp hành hình phạt của cả hai tội là 23 (Hai mươi ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/12/2016.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo **Đặng Đức D** 04 (Bốn) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/12/2016.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 197; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** 04 (Bốn) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/12/2016.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 197; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 54 và Điều 59 BLHS năm 2015: *Miễn hình phạt* đối với bị cáo **Nguyễn V L** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 197; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 54 và Điều 59 BLHS năm 2015: *Miễn hình phạt* đối với bị cáo **Hoàng Anh K** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Hủy bỏ Biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” đối với các bị cáo Nguyễn V L và Hoàng Anh K kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền được kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/4/2019, bị cáo Hoàng Anh K và bị cáo Nguyễn V L kháng cáo; nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc quy kết hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKS-P1 ngày 02/5/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị sửa một phần

bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Nguyễn V L và Hoàng Anh K.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, ý kiến tranh luận của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào lời khai của bị cáo Đỗ Hồng H phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 11/2014, Đỗ Hồng H cùng chồng là Nguyễn Thanh V kinh doanh quán Karaoke Sao ở số 188 Cát Dài, quận LC, thành phố Hải Phòng. Khoảng đầu năm 2016, H và V bắt đầu mua ma túy để bán cho khách để kiếm lời. V trực tiếp đi mua ma túy và báo lại số lượng và giá mua với H để H đưa tiền cho V. Việc khách sử dụng ma túy tại phòng hát đều phải được sự đồng ý của H, V. Ngày 11/12/2016, có 02 phòng là Vip 4 và Vip 6 đang sử dụng ma túy, trước đó V gọi điện báo cho H là phòng Vip 4 gam Ketamine, phòng Vip 6 lấy khoảng 10 viên thuốc lắc. Còn người trực tiếp đưa ma túy cho khách là ai H không biết. Cơ quan Công an khám xét khẩn cấp thu giữ của V và H 577,18 gam ma túy tổng hợp ở thể rắn. Bị cáo thừa nhận có bàn bạc lượng ma túy mua về bán, có biết chồng bị cáo mua đóng gói, cất giữ. Ngoài ra, bị cáo còn có hành vi cùng chồng cung cấp trái phép chất ma túy để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác. Ngoài ra còn có hành vi chỉ đạo các bị cáo Đặng Đức D và Nguyễn Văn Đ là hai nhân viên phục vụ tại các phòng khách có sử dụng ma túy. Vào sáng ngày 10/12/2016, từ 2 giờ 30 phút đến 6 giờ 30 phút, tại phòng Vip 3 do Duy giúp bị cáo H mang ma túy xuống phòng Vip 3 cho hai khách rồi thu tiền, đưa cho H là 4.500.000 đồng. Ngày 11/12/2016, tại phòng Vip 6 có Kỳ là khách quen, do Nguyễn Văn Đ phục vụ có sử dụng ma túy vì V báo với H phòng Vip 6 lấy 10 viên thuốc lắc. Khi Đạt xuống bếp lấy đĩa sứ có gắp H ở quầy bar và xin ý kiến H, H biết là lấy đĩa sứ cho khách sử dụng Ketamine, H đồng ý để Đạt lấy đĩa mang lên phòng cho khách. Nguyễn Văn Đ biết rõ phòng hát Đạt phục vụ có sử dụng ma túy nhưng Đạt vẫn giúp sức cho H chuẩn bị các dụng cụ, phương tiện để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng tình như nhận định của bản án sơ thẩm khi cho rằng, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Đỗ Hồng H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Tổ chức trái phép chất ma túy” theo Điều 197 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Đặng Đức D đồng phạm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với bị cáo Đỗ Hồng H theo Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nguyễn Văn Đ đồng phạm về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với bị cáo Đỗ Hồng H theo Điều 197 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Đỗ Hồng H, Đặng Đức D và Nguyễn Văn Đ không kháng cáo và cũng không bị kháng nghị nên quyết định của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hoàng Anh K và Nguyễn V L thay đổi nội dung kháng cáo từ kháng cáo kêu oan sang kháng cáo theo hướng chấp nhận quyết định “Miễn hình phạt”, theo đó các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Hoàng Anh K và Nguyễn V L về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc quy kết hành vi phạm tội của các bị cáo và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKS-P1 ngày 02/5/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải phòng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

2.1. Đối với bị cáo Nguyễn V L: Trước hết, căn cứ lời khai các nhân chứng, trong đó đáng lưu ý là lời khai của các nhân viên phục vụ tại phòng Vip 4 là Võ Thành Đạt và Bùi Văn Nguyễn đều khai thống nhất tại cơ quan điều tra có và còn nhiều bản tường trình khác mà do Võ Thành Đạt và Bùi Văn Nguyễn tự viết ra, phù hợp với lời khai ban đầu của Nguyễn V L, theo đó thể hiện: Nguyễn V L là người đồ Ketamine ra đĩa, dùng thẻ “đánh và mời” mọi người cùng sử dụng. Khi cho nhận dạng qua ảnh Võ Thành Đạt và Bùi Văn Nguyễn đều xác nhận đúng Nguyễn V L. Lời khai của Võ Thành Đạt và Bùi Văn Nguyễn còn phù hợp với lời khai ban đầu của Nguyễn Tuấn V, Lương Xuân L3, Đinh Ngọc L2. Mặc dù sau đó Nguyễn Tuấn V, Lương Xuân L3, Đinh Ngọc L2 có việc thay đổi lời khai cho rằng Điều tra viên mớm cung, bức cung, song không có căn cứ nào cho rằng những người này bị mớm cung, bức cung, thậm chí có những lời khai còn có sự tham gia của luật sư của các bị can trong giai đoạn điều tra. Thêm nữa, kết quả giám định dấu vân tay thu trên đĩa đựng ma túy đã xác định Nguyễn V L là người cầm đĩa sứ có Ketamnie để đưa cho những người khác sử dụng trái phép. Kết quả test nước tiểu cho thấy Nguyễn V L, Nguyễn Tuấn V, Đinh Ngọc L2, Lương Xuân L3 đều dương tính với ma túy.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, hành vi của bị cáo “đánh ma túy ra đĩa” và “mời” các đối tượng khác sử dụng, mặc dù không phải là chủ mưu nhưng được coi là đã tiếp nhận ý chí từ đối tượng khác để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác. Các đối tượng sử dụng đều không phải là đối tượng nghiện ma túy, cho nên cấp sơ thẩm truy tố và xét xử bị cáo Nguyễn V L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điều 197 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, không oan.

2.2. Đối với Hoàng Anh K: Căn cứ lời khai của bị cáo cùng những lời khai của người làm chứng và chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ kết luận: Hoàng Anh K là người cầm túi nilon trong có 10 viên nén (thuốc lắc) phát cho các đối tượng Hoàng Nguyên Hà Thương, Vũ Văn Nam, Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Tuấn Vũ mỗi người một viên để sử dụng. Kết quả test nước tiểu, các đối tượng trên không phải là đối tượng nghiện ma túy song đều dương tính với ma túy. Như vậy, cũng giống như hành vi của bị cáo Nguyễn V L, hành vi đưa ma túy cho người khác sử dụng của

Hoàng Anh K được coi là đã tiếp nhận ý chí của đối tượng khác, đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác, cho nên cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Hoàng Anh K về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điều 197 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cũng là có căn cứ.

Xét về vai trò và hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và quyết định đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, sau khi phạm tội, ngay từ giai đoạn điều tra, các bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo; các bị cáo được xác định chỉ là những người giúp sức, phạm tội lần đầu trong vụ án đồng phạm và có vai trò không đáng kể; hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đối tượng chính của vụ án đang được cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ. Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của người phạm tội...Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá, cho rằng các bị cáo xứng đáng được khoan hồng, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù nên đã quyết định “Miễn hình phạt” đối với các bị cáo trong trường hợp này là phù hợp, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận thay đổi kháng cáo của các bị cáo và không chấp nhận kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng về việc đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Nguyễn V L và Hoàng Anh K.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo có đơn kháng cáo nhưng đã được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận cho nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn V L và Hoàng Anh K; không chấp nhận kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng; giữ nguyên bản án sơ thẩm; cụ thể:

1. Căn cứ vào Điều 197 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 54 và Điều 59 của Bộ luật Hình sự năm 2015: **Miễn hình phạt** cho bị cáo **Nguyễn V L** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Căn cứ vào Điều 197 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 54 và Điều 59 của Bộ luật Hình sự năm 2015: **Miễn hình phạt** cho bị cáo **Hoàng Anh K** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Các bị cáo Nguyễn V L và Hoàng Anh K đều không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 1);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Cơ quan CSĐT- Công an TP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các bị cáo có kháng cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS vụ án, Phòng HCTP/2b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng Phúc